

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/DS-ST
Ngày: 28/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2017/QĐST-DS ngày 12 /9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1980, địa chỉ: Số M, đường H, tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964, cùng địa chỉ: tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Bà O, bà B, ông có mặt tại phiên tòa; bà T có đơn xin vắng mặt, bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Kim O trình bày:

Ngày 16/5/2016, bà O có cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay 01 năm. Để đảm bảo khoản vay ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (cha mẹ bà N) đã thế chấp quyền sử dụng đất với diện tích 15m² tọa lạc khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E cho bà Nguyễn Thị B đứng tên. Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực ngày 16/5/2016 tại Phòng Công chứng số H1 tỉnh An Giang (số công chứng 992, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD).

Quá trình thực hiện đồng vay, bà N không đóng lãi theo thỏa thuận. Do đó, bà O khởi kiện yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả số nợ gốc 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/5/2016, đồng thời yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 992, quyền số 01TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 16/5/2016 (bản sao).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E (bản sao).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông L, bà B có cho con gái là Nguyễn Thị N mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E để đi vay tiền nhưng ông L, bà B không biết N vay của ai và cũng không biết việc vay mượn giữa N và bà O.

Ngày 16/5/2016 tại Văn phòng Công chứng số H1 tỉnh An Giang, ông L, bà B có ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, sau khi ký tên thì ra về, không có nhận tiền của bà O và không biết bà O có giao tiền cho N hay không. Sau khi N vỡ nợ và bỏ nhà đi thì có điện thoại về cho biết là N có vay của bà O số tiền 30.000.000 đồng, trả tiền lãi cho bà O mỗi tháng 1.500.000 đồng, được 04 tháng thì ngưng cho đến nay. N không trả trực tiếp cho bà O mà trả cho chị dâu của O.

Nay ông L, bà B đồng ý nhận trách nhiệm trả số nợ 30.000.000 đồng cho bà O nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi. Đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi trả hết nợ.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T khai: Bà N có tham gia 09 dây hụi do bà T làm chủ hụi. Do bà N đang cần tiền nên bà T giới thiệu cho bà N đến vay của bà O. Nội dung vay tiền giữa N, O thì bà T không biết. Ngoài ra, N có gửi 6.000.000 đồng cho bà T giữ để sau khi bà N hốt hụi thì sẽ trả vốn và lãi cho bà

O. Tuy nhiên, do bà N còn nợ tiền hụi của bà T nên bà T vẫn chưa giao số tiền này cho bà O. Nay bà T chỉ đồng ý giao trực tiếp 6.000.000 đồng này lại cho bà N và sẽ khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ hụi bằng một vụ án khác.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự; Bà N vắng mặt tại phiên hòa giải, ông L, bà B có ý kiến đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ thay cho bà N nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 30.000.000 đồng, bà O không đồng ý với phương thức trả nợ trên.

* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của các đương sự: Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến đã trình bày trong quá trình tiến hành tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, ông L nhận trách nhiệm trả nợ thay cho N mỗi tháng với số tiền 1.000.000 đồng, đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án, không trả lãi và yêu cầu Tòa án không xem xét tiền lãi mà N đưa cho bà T. Khi N trở về địa phương sẽ tự giải quyết khoản tiền 6.000.000 đồng mà bà T đang giữ.

Ngoài ra, các đương sự xác định tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định.

Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và bà T là đúng như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà O với bà N được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà O yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng một lần là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O.

Về tài sản thế chấp: Ngày 16/5/2016, bà Na đã thế chấp cho bà O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28/5/2001 do bà Nguyễn Thị B đứng tên, việc thế chấp được công chứng, chứng thực ngày 16/5/2016 tại Phòng Công chứng số H1 tỉnh An Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01066/aE do bà Nguyễn Thị B đứng tên để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp đều được xác lập vào ngày 16/5/2016. Do đó, việc bà O nộp đơn khởi kiện vào ngày 12/6/2017 vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ B, khóm V, phường D, thành phố Đ, tỉnh An Giang nhưng tại thời điểm tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án bà N không có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định pháp luật nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/5/2016 được ký kết giữa bà Phan Thị Kim O với ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B thể hiện người vay tiền là ông L, bà B. Tuy nhiên, bà O, ông L, bà B cùng xác định người vay tiền là Nguyễn Thị N với vốn vay là 30.000.000 đồng. Do đó, bà O khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả vốn vay 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông L, bà B nhận trách nhiệm trả nợ thay cho Nguyễn Thị N với số vốn vay 30.000.000 đồng, phương thức thanh toán trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin không trả lãi nhưng không được bà O chấp nhận. Phương thức thanh toán sẽ được tiếp tục xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[2] *Về tiền lãi đã trả:*

Sau khi vay tiền, ông L, bà B cho rằng bà N có trả tiền lãi cho bà O mỗi ngày là 50.000 đồng, được 04 tháng với số tiền 6.000.000 đồng nhưng không trả trực tiếp cho bà O mà gửi cho bà T.

Tòa án tiến hành ghi lời khai của bà T thì bà T thừa nhận có nhận 6.000.000 đồng của N nhưng do N còn nợ tiền hui của bà T nên bà T chỉ đồng

ý giao trực tiếp 6.000.000 đồng này lại cho bà N, không chấp nhận giao cho bà O, ông L, bà B.

Tòa án tiến hành đối chất giữa bà O, bà T, ông L, bà B về khoản tiền lãi đã trả các bên để xác định số tiền lãi mà N đã trả là 6.000.000 đồng hiện nay bà T đang giữ, bà O chưa nhận được khoản tiền lãi 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông L, bà B không yêu cầu Tòa án xem xét khoản tiền lãi mà N đã trả cho bà O. Khi N trở về địa phương sẽ tự thỏa thuận, giải quyết với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn

Tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng). Do bà N không thực hiện trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận nên yêu cầu của bà O buộc bà N trả tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Theo quy định viện dẫn nêu trên thì áp dụng mức lãi suất quá hạn là 1.125%/tháng (0,75%/tháng x 150%) để tính lãi suất, cụ thể như sau:

Từ ngày 16/5/2016 đến ngày xét xử 28/9/2017: vốn 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 16 tháng 12 ngày = 5.535.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà N phải trả cho bà Oanh là: 35.535.000 đồng (trong đó vốn gốc 30.000.000 đồng + tiền lãi 5.535.000 đồng).

[4] Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Để đảm bảo khoản vay, ông L, bà B dùng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01066/aE do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28/5/2001 do bà Nguyễn Thị B đứng tên để thế chấp cho bà O, việc thế chấp được công chứng, chứng thực ngày 16/5/2016 tại Phòng Công chứng số H1 tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông L, bà B đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án. Do đó, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà O với ông L, bà B.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi 35.535.000 đồng nên phải chịu án phí là 1.776.750 đồng (35.535.000 đồng x 5%) như theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Phan Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phan Thị Kim O tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim O.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Kim O số tiền 35.535.000 (ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, (trong đó vốn gốc 30.000.000 đồng + tiền lãi 5.535.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 992, quyền số 01TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 16 tháng 5 năm 2016 giữa bà Phan Thị Kim O với ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.776.750 (Một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà O số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014598 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà O, ông L và bà B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự bà Nguyễn Thị N, Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Ngọc Tiên